

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẾN TRE
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 12/4/2024

V/v: Tranh chấp "Ly hôn"

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE - TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Phê

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Ngọc Hồng

Ông Trần Văn Hưng

- Thư ký phiên tòa: Ông Mai Chiến Trục - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Âm- Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 491/2023/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2023 về tranh chấp "Ly hôn," theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 55/2024/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Bà Đặng Thị Yến N, sinh năm 1997. Địa chỉ: số B, Khu phố D, Phường G, thành phố B, tỉnh Bến Tre. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Đỗ Tiến S, sinh năm 1991. Địa chỉ: số A ấp A, xã S, thành phố B, tỉnh Bến Tre. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, Bản tự khai cùng các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn bà Đặng Thị Yến N trình bày:

Vào năm 2016 bà và ông Đỗ Tiến S được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới, hôn nhân tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, thành phố B và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 25/5/2016. Trong thời gian sống chung bà và ông Đỗ Tiến S có 02 con chung tên Đỗ Đặng Thiện Â, sinh ngày 22/4/2020 hiện đang sống chung cha là Đỗ Tiến S và cháu Đỗ Đặng Thiện N1, sinh ngày 03/8/2016

hiện con chung đang sống chung với bà. Bà và ông S không có tạo lập được tài chung, về nợ chung thì không có.

Nguyên nhân ly hôn: là do trong thời gian chung sống ông, bà bất đồng quan điểm vợ chồng ngày càng mất lòng tin và không còn tiếng nói chung, gia đình hai bên có hàn gắn nhưng không thành; hiện nay bà và ông S không còn sống chung, không còn quan tâm chăm sóc cho nhau. Nhận thấy ông, bà có nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được nên bà có yêu cầu như sau:

+ *Về quan hệ hôn nhân:* Bà yêu cầu được ly hôn với ông Đỗ Tiến S. Bà không yêu cầu giải quyết cấp dưỡng giữa vợ và chồng sau khi ly hôn.

+ *Về con chung:*

+ Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung tên Đỗ Đặng Thiện N1, sinh ngày 03/8/2016, do cháu Thiện N1 đang sống chung với bà, bà không yêu cầu ông Đỗ Tiến S cấp dưỡng nuôi con chung.

+ Bà đồng ý giao cho ông Đỗ Tiến S được trực tiếp nuôi con chung tên Đỗ Đặng Thiện A, sinh ngày 22/4/2020, do cháu Thiện A đang sống chung với cha là ông Đỗ Tiến S, bà không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết

Bị đơn ông Đỗ Tiến S đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng ông Đỗ Tiến S vẫn vắng mặt không có lý do, không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng không cung cấp chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội đề nghị:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị Yến N. Bà Đặng Thị Yến N được ly hôn với ông Đỗ Tiến S.

Về con chung:

+ Giao con chung tên Đỗ Đặng Thiện N1, sinh ngày 03/8/2016 cho bà Lê Đặng Thị Yến N2 được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, do bà Đặng Thị Yến N2 không yêu cầu ông Đỗ Tiến S cấp dưỡng nuôi con chung nên đề nghị không xem xét.

+ Giao con chung tên Đỗ Đăng Thiện Â, sinh ngày 22/4/2020 cho ông Đỗ Tiến S được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, do ông Đỗ Tiến S không yêu cầu bà Đặng Thị Yến N2 cấp dưỡng nuôi con chung nên đề nghị không xem xét;

Về tài sản và nợ chung: Không có nên đề nghị không xem xét.

Về án phí tuyên theo quy định

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào lời trình bày của đương sự và phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án “Tranh chấp ly hôn” được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thẩm quyền: Bị đơn ông Đỗ Tiến S hiện có đăng ký thường trú tại xã S, thành phố B, tỉnh Bến Tre do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về tố tụng: Bà Đặng Thị Yến N2 có đơn xin xét xử vắng mặt, ông Đỗ Tiến S đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng ông P vẫn vắng mặt không có lý do vì vậy căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà Đặng Thị Yến N2 và ông Đỗ Tiến S.

[4] Về nội dung:

Về hôn nhân: Bà Đặng Thị Yến N2 và ông Đỗ Tiến S kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bên nào bị lừa dối hoặc bị ép buộc, cả hai có đủ điều kiện kết hôn. Việc kết hôn có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã S, thành phố B, tỉnh Bến Tre và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 25/5/2016. Vì vậy quan hệ hôn nhân của bà Đặng Thị Yến N2 và ông Đỗ Tiến S được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Nguyên nhân bà Đặng Thị Yến N2 xin ly hôn với ông Đỗ Tiến S là do trong thời gian chung sống ông, bà bất đồng quan điểm vợ chồng ngày càng mất lòng tin và không còn tiếng nói chung, ông S không quan tâm chăm sóc cho vợ con; gia đình hai bên có hàn gắn nhưng không thành, xét thấy: Hiện nay bà Đặng Thị Yến N2 và ông Đỗ Tiến S không còn sống chung, không còn quan tâm chăm sóc cho nhau. Mặt khác ông S biết rõ việc bà N2 xin ly hôn với ông, Tòa án đã tạo điều kiện để bà Đặng Thị Yến N2 và ông Đỗ Tiến S hòa giải hàn gắn tình cảm nhưng ông S vắng mặt không có lý do nên từ đó có căn cứ kết luận tình trạng mâu thuẫn trong hôn nhân giữa bà

Đặng Thị Yến N2 và ông Đỗ Tiến S đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài; mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Đặng Thị Yến N2 là phù hợp. Do bà Đặng Thị Yến N2 không yêu cầu giải quyết nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về con chung: Bà Đặng Thị Yến N2 và ông Đỗ Tiến S có 02 con chung tên Đỗ Đặng Thiện Â, sinh ngày 22/4/2020 và cháu Đỗ Đặng Thiện N1, sinh ngày 03/8/2016. Xét thấy: Từ khi bà N2 và ông S không còn sống chung, không còn quan tâm chăm sóc cho nhau thì con chung Đỗ Đặng Thiện N1, sinh ngày 03/8/2016 do bà N2 trực tiếp nuôi dưỡng, đối với cháu Đỗ Đặng Thiện Â do ông S trực tiếp nuôi dưỡng, hai con chung có sự phát triển tốt về thể chất và tinh thần. Mặt khác con chung là cháu Đặng Thị N3 có nguyện vọng sống chung với bà N2. Do đó để không làm thay đổi môi trường sống và sinh hoạt hằng ngày cần giao cho bà N2 được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Thiện N1, giao cho ông S được trực tiếp nuôi cháu Thiện Â là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Do bà Đặng Thị Yến N2 và ông Đỗ Tiến S không yêu cầu giải quyết cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung: Không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Xét phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Bà Đặng Thị Yến N2 phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

[7] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, 39, 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, 238, Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 và Điều 115 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của bà Đặng Thị Yến N2. Bà Đặng Thị Yến N2 được ly hôn với ông Đỗ Tiến S.

Do bà Đặng Thị Yến N2 và ông Đỗ Tiến S không yêu cầu giải quyết nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ, chồng khi ly hôn nên không xem xét.

2. Về con chung:

- Giao cho bà Đặng Thị Yến N2 được trực tiếp nuôi con chung tên Đỗ Đăng Thiện N1, sinh ngày 03/8/2016 con chung đang sống chung và có nguyện vọng sống với bà Đặng Thị Yến N2. Do bà Đặng Thị Yến N2 không yêu cầu ông Đỗ Tiến S cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét giải quyết.

- Giao cho ông Đỗ Tiến S được trực tiếp nuôi con chung tên Đỗ Đăng Thiện Â, sinh ngày 22/4/2020 con chung đang sống chung ông Đỗ Tiến S. Do ông Đỗ Tiến S không yêu cầu bà Đặng Thị Yến N2 cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được quyền cản trở. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân tổ chức theo quy định của pháp luật Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

Bà Đặng Thị Yến N2 phải nộp là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0000880 ngày 06/12/2023 của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre và đã nộp xong.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- VKSND thành phố Bến Tre (1b);
- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- CCTHADS thành phố Bến Tre (1b);
- UBND xã Sơn Đông(1b);
- Các đương sự (2b);
- Lưu hồ sơ, VP (3b).

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Thị Phê